

Số: 2877/TB-CHK

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2019

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa tại Cục Hàng không Việt Nam

Thực hiện Quyết định số 2108/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) ban hành Kế hoạch thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) của Bộ GTVT nhằm tạo ra bước chuyển biến căn bản về cải cách thủ tục hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của cơ quan quản lý nhà nước, hạn chế tiêu cực, góp phần xây dựng một nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, Cục Hàng không Việt Nam (Cục HKVN) thông báo chính thức đưa Bộ phận Một cửa tại cơ quan Cục HKVN vào hoạt động từ ngày 08/7/2019 (Thứ Hai), chi tiết như sau:

1. Về tổ chức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả TTHC lĩnh vực hàng không tại Bộ phận Một cửa tại Cục HKVN.

1.1. Thời gian: Từ 08:00 ngày 08/7/2019.

1.2. Địa điểm: Tại Bộ phận Một cửa (Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính) tại Cục Hàng không Việt Nam.

Địa chỉ: Phòng số 101, Trụ sở Cục Hàng không Việt Nam, số 119 đường Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội.

1.3. Danh mục TTHC được tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa: 36 TTHC (theo Quyết định số 1194/QĐ-BGTVT ngày 20/6/2019 của Bộ GTVT công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ GTVT được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa).

1.4. Thời gian làm việc: Bộ phận Một cửa tại Cục HKVN làm việc từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, trừ ngày nghỉ theo quy định. Thời gian làm việc trong ngày như sau:

+ Buổi sáng: Từ 8h00 đến 12h00.

+ Buổi chiều: Từ 13h00 đến 17h00.

2. Trình tự thực hiện giải quyết thủ tục hành chính

2.1. Tiếp nhận hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ bằng các hình thức sau: 1-Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; 2- Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy

quyền theo quy định của pháp luật; 3-Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Bộ Giao thông vận tải.

Cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác của giấy tờ có trong hồ sơ; Cung cấp đầy đủ thông tin khác có liên quan; Thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ về tài chính (khoản phí, lệ phí nếu có) theo quy định (*Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không*)

2.2. Giải quyết hồ sơ:

Đối với hồ sơ nhận theo cách 1, 2 ở trên, công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, cập nhật vào CSDL của hệ thống Một cửa điện tử của Cục; Yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính (khoản phí, lệ phí nếu có) theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn một lần tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác, hợp lệ theo quy định thì công chức thực hiện ngay việc tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.

Đối với hồ sơ được nộp trực tuyến thông qua Cổng dịch vụ công Bộ Giao thông vận tải, công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định, công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa phải gửi thông báo (qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn đến người dân của Cổng Dịch vụ công trực tuyến), nêu rõ lý do, hướng dẫn cụ thể, đầy đủ một lần để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc gửi đúng đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác, hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ thực hiện ngay việc tiếp nhận và chuyển hồ sơ tới phòng chuyên môn để giải quyết hồ sơ theo quy định.

Mỗi hồ sơ thủ tục hành chính sau khi được tiếp nhận sẽ được cấp một Mã số hồ sơ được ghi trong Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. Tổ chức, cá nhân sử dụng Mã hồ sơ để tra cứu tình trạng giải quyết thủ tục hành chính tại Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải (<https://dichvucong.mt.gov.vn>).

2.3. Trả kết quả TTHC:

Kết quả giải quyết TTHC được gửi trả cho tổ chức, cá nhân theo đăng ký của tổ chức, cá nhân tại: 1- Bộ phận Một cửa; 2- Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật; 3 - Công dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Thừa lệnh Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Văn phòng Cục thông báo đề các cơ quan, đơn vị biết và phối hợp triển khai, thực hiện./. *Yan*

Đính kèm:

- Danh mục 36 TTHC lĩnh vực hàng không tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa (theo Quyết định số 1194/QĐ-BGTVT ngày 20/6/2019 của Bộ GTVT);

- Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không (Theo Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính).

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ GTVT (để báo cáo);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Các Phó Cục trưởng (để báo cáo);
- Phó Bí thư Đảng ủy Nguyễn Văn Hải (để báo cáo);
- Các TCT: VNA, VATM, ACV;
- Công ty bay DVHK, Vietjet Air, Jetstar Pacific Airlines, Bamboo Airways;
- Các Phòng, VP, Thanh tra Cục HK, Ban QLDA (để thực hiện);
- Các Cảng vụ HK khu vực (để thực hiện);
- Trung tâm Y tế Hàng không (để thực hiện);
- Ban Thanh tra Nhân dân KCQ Cục HKVN;
- Lưu: VT, VP.



PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Vương Như Ý Lan

BIỂU MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG
(kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

A. Biểu mức phí

Số TT	Công việc, dịch vụ thu phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
I	Phí thẩm định hồ sơ mua, bán, thuê, cho thuê tàu bay	Tàu bay	5.000.000
II	Phí kiểm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện bay cho tàu bay (tính theo trọng tải cất cánh tối đa của từng loại tàu bay)		
1	Cấp lần đầu, gia hạn	Tấn	275.000
2	Trường hợp đặc biệt (công nhận hiệu lực, bay kỹ thuật...)	Tấn	200.000
3	Trường hợp nhân nhượng khai thác, kỹ thuật tàu bay	Lần	2.000.000
III	Phí kiểm định cấp giấy chứng nhận loại tàu bay, chứng chỉ đủ điều kiện kỹ thuật các phương tiện thiết bị hàng không sản xuất mới đưa vào sử dụng		
1	Tàu bay	Lần	
a)	Dưới 20 tấn	Lần	30.000.000
b)	Từ 20 - dưới 50 tấn	Lần	80.000.000
c)	Từ 50 - dưới 150 tấn	Lần	250.000.000
d)	Từ 150 - dưới 250 tấn	Lần	410.000.000
e)	Từ 250 tấn trở lên	Lần	580.000.000
2	Thiết bị đồng bộ	Lần	30.000.000
3	Thiết bị lẻ, vật tư khác	Lần	5.000.000
IV	Phí cung cấp thông tin trong sổ đăng bạ tàu bay	Tàu bay	500.000
V	Phí phân tích dữ liệu bay	lần/hộp đèn	20.000.000

VI. Phí thẩm định cấp chứng chỉ, giấy phép, giấy chứng nhận trong hoạt động hàng không dân dụng; cấp giấy phép ra vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay

Số tt	Công việc, dịch vụ thu phí	Hình thức cấp (đồng/lần cấp)		
		Cấp lần đầu	Cấp lại do thay đổi nội dung	Cấp lại do mất, rách, hỏng
1	Thẩm định cấp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ: cơ sở thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay và các trang thiết bị lắp trên tàu bay, thiết bị, vật tư tiêu chuẩn, vật tư tiêu hao phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay; cơ sở đào tạo, huấn luyện,	20.000.000	15.000.000*	2.400.000

Số tt	Công việc, dịch vụ thu phí	Hình thức cấp (đồng/lần cấp)		
		Cấp lần đầu	Cấp lại do thay đổi nội dung	Cấp lại do mất, rách, hỏng
	giám định, sát hạch, kiểm tra			
2	Thẩm định cấp giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay			
a)	Cơ sở Kiểm soát đường dài (ACC); Trung Tâm Quản lý luồng không lưu (ATFM); Cơ sở Kiểm soát tiếp cận tại sân (APP/TWR); Cơ sở Thông tin dẫn đường giám sát (CNS)	30.000.000	10.000.000	
b)	Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay khác	15.000.000	5.000.000	
3	Thẩm định cấp giấy phép kinh doanh, giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không			
3.1	Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại	20.000.000	15.000.000	5.000.000
3.2	Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không			
a)	Cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không quốc tế	50.000.000	30.000.000	5.000.000
b)	Cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không khác	30.000.000	20.000.000	5.000.000

* Bao gồm cả cấp lại do gia hạn hoặc bổ sung năng định

Số TT	Công việc, dịch vụ thu phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
4	Thẩm định cấp giấy phép, giấy chứng nhận khai thác trong hoạt động hàng không dân dụng		
4.1	Giấy chứng nhận nhà khai thác tàu bay (AOC)		
a)	Đối với nhà khai thác tàu bay Việt Nam		
	- Cấp lần đầu	Lần	40.000.000
	- Gia hạn		
	+ Khai thác 1 một loại tàu bay (tính theo đơn giá trên một chiếc tàu bay)	chiếc	6.000.000
	+ Thêm một loại tàu bay khai thác	Loại	18.000.000
	- Bổ sung số lượng tàu bay khai thác	chiếc	15.000.000
	- Bổ sung năng định: Bổ sung thêm loại hình khai thác đặc biệt	Loại	15.000.000

Số TT	Công việc, dịch vụ thu phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
	(ETOPS, CAT II, CAT III, hàng nguy hiểm, MNPS...), chùng loại tàu bay khai thác		
b)	Đối với nhà khai thác tàu bay nước ngoài hoạt động tại Việt Nam (Cấp công nhận giấy chứng nhận AOC)		
	- Cấp lần đầu	Lần	40.000.000
	- Gia hạn, bổ sung	Lần	15.000.000

Số tt	Công việc, dịch vụ thu phí	Hình thức cấp (đồng/lần cấp)		
		Cấp lần đầu	Cấp lại do thay đổi nội dung	Cấp lại do mất, rách, hỏng
4.2	Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay			
a)	Cảng hàng không quốc tế	110.000.000	70.000.000	5.000.000
b)	Cảng hàng không khác	40.000.000	30.000.000	5.000.000
c)	Sân bay trực thăng, sân bay chuyên dùng	15.000.000	5.000.000	5.000.000
4.3	Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay			
a)	Cảng hàng không quốc tế	70.000.000	40.000.000	5.000.000
b)	Cảng hàng không khác	40.000.000	30.000.000	5.000.000
c)	Sân bay trực thăng, sân bay chuyên dùng	15.000.000	5.000.000	5.000.000
4.4	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung	10.000.000	5.000.000	5.000.000

Số TT	Công việc, dịch vụ thu phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
4.5	Giấy phép khai thác thiết bị, hệ thống thiết bị hàng không		
4.5.1	Hệ thống, thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay		
a)	Hệ thống	Lần	4.000.000
b)	Thiết bị	Lần	2.000.000
c)	Cấp phép địa chỉ kỹ thuật hệ thống, thiết bị thông tin dẫn đường giám sát (Địa chỉ 24 bit, ELT, AFTN, AMHS...)	Lần	1.000.000

Số tt	Công việc, dịch vụ thu phí	Hình thức cấp (đồng/lần cấp)		
		Cấp lần đầu	Cấp lại do thay đổi nội dung	Cấp lại do mất, rách, hỏng
4.5.2	Thiết bị, hệ thống thiết bị lắp đặt, hoạt động tại khu bay			
a)	Cảng hàng không quốc tế	7.000.000	4.000.000	2.000.000
b)	Cảng hàng không khác	6.000.000	3.000.000	2.000.000
c)	Giấy phép khai thác thiết bị huấn luyện giả định nhân viên hàng không (huấn luyện kiểm soát viên không lưu, phi công, tiếp viên,...)	10.000.000	3.000.000	
4.6	Giấy chứng nhận đủ điều kiện vận chuyển hàng nguy hiểm thường lệ bằng đường hàng không của hãng hàng không nước ngoài	5.000.000		
4.7	Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam	2.000.000		
4.8	Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp	2.400.000		
4.9	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài	2.400.000		

Số TT	Công việc, dịch vụ thu phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
5	Thẩm định cấp giấy chứng nhận, giấy phép cho cá nhân hoạt động trong lĩnh vực hàng không		
5.1	Giấy chứng nhận thành viên tổ bay	Lần	200.000
5.2	Cấp, gia hạn giấy chứng nhận sức khỏe (phê chuẩn kết quả giám định sức khỏe cho thành viên tổ bay)	Lần	100.000
5.3	Phê chuẩn giám định viên y khoa	Lần	200.000
5.4	Cấp bổ sung năng định cho nhân viên hàng không (trường hợp không tổ chức sát hạch)	Năng định	30.000
6	Thẩm định cấp giấy phép ra vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không sân bay		
6.1	Cấp cho người:		
a)	Thẻ sử dụng dài hạn	Lần	150.000
b)	Thẻ sử dụng ngắn hạn	Lần	20.000

Số TT	Công việc, dịch vụ thu phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
6.2	Giấy phép cấp cho phương tiện		
a)	Giấy phép sử dụng dài hạn	Lần	100.000
b)	Giấy phép sử dụng ngắn hạn	Lần	20.000
VII	Phí sát hạch đủ điều kiện cấp giấy phép nhân viên hàng không		
1	Sát hạch cấp giấy phép, năng định cho thành viên tổ lái (người lái tàu bay, giáo viên huấn luyện bay, cơ giới trên không, dẫn đường trên không,...) và học viên bay		
1.1	Sát hạch lý thuyết (năng định chuyên môn, cấp phép đặc biệt,...)		
	- Sát hạch cấp giấy phép lần đầu	Lần	600.000
	- Sách hạch cấp lại giấy phép theo thời hạn, gia hạn, bổ sung năng định	Lần	400.000
1.2	Sát hạch thực hành	Lần	1.700.000
2	Sát hạch cấp giấy phép, năng định cho nhân viên bảo đảm hoạt động bay, an ninh hàng không, tiếp viên, nhân viên kỹ thuật và nhân viên hàng không khác		
2.1	Sát hạch lý thuyết (năng định chuyên môn, cấp phép đặc biệt,...)		
	- Sát hạch cấp giấy phép lần đầu	Lần	600.000
	- Sách hạch cấp lại giấy phép theo thời hạn, gia hạn, bổ sung năng định	Lần	400.000
2.2	Sát hạch thực hành	Lần	250.000
3	Sát hạch trình độ Tiếng Anh	Lần	600.000
VIII	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tàu bay		
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm bằng tàu bay (xác định theo giá trị khoản giao dịch đảm bảo tính bằng đồng Việt Nam):		
	- Giá trị giao dịch dưới 2,1 tỷ đồng	Lần	1.800.000
	- Giá trị giao dịch từ 2,1 tỷ đồng đến 70 tỷ đồng	Lần	5.400.000
	- Giá trị giao dịch từ trên 70 tỷ đồng đến 280 tỷ đồng	Lần	10.000.000
	- Giá trị giao dịch trên 280 tỷ đồng	Lần	18.000.000
	- Trường hợp không xác định được cụ thể giá trị giao dịch	Lần	18.000.000
2	Thay đổi nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm bằng tàu bay đã đăng ký	Lần	550.000
3	Đăng ký văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm bằng tàu bay	Lần	1.800.000
4	Đăng ký chỉ định người có quyền yêu cầu xóa đăng ký hoặc xuất khẩu tàu bay (IDERA)	Lần	5.000.000

Số TT	Công việc, dịch vụ thu phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
IX	Phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm liên quan đến quyền lợi quốc tế đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam (Mã số AEP)	Lần	10.000.000

B. Danh mục lệ phí

Số TT	Công việc, dịch vụ thu lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
I	Lệ phí cấp chứng chỉ cho tàu bay		
1	Giấy chứng nhận đăng ký tàu bay		
a)	Loại tàu bay dưới 5.700 kg	Lần	1.500.000
b)	Loại tàu bay từ 5.700 kg trở lên	Lần	4.500.000
2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay cho tàu bay	Lần	500.000
II	Lệ phí đăng ký các quyền đối với tàu bay	Lần	1.500.000

Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hàng không được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa

(theo Quyết định số 1194/QĐ-BGTVT ngày 20/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ GTVT được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa)

STT	Tên Thủ tục	Mã Thủ tục	Địa điểm thực hiện		Đơn vị giải quyết
			Tiếp nhận	Trả kết quả	
1.	Cấp giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay	BGTVT-285819	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
2.	Cấp lại giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay	BGTVT-285820	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
3.	Cấp bỏ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không; phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay	B-BGT-285614-TT	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
4.	Thủ tục cấp giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay	B-BGT-285716-TT	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
5.	Thủ tục Cấp lại giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay	B-BGT-285717-TT	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
6.	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam	BGTVT-285827	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
7.	Thủ tục Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam	BGTVT-285828	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
8.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thư cấp cho doanh	BGTVT-285831	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN

STT	Tên Thủ tục	Mã Thủ tục	Địa điểm thực hiện		Đơn vị giải quyết
			Tiếp nhận	Trả kết quả	
	ngoại nghiệp Việt Nam (doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của mình)				
9.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài	BGTVT-285832	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
10.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài	BGTVT-285829	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
11.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài	BGTVT-285830	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
12.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không	B-BGT-285455-TT	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
13.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không	B-BGT-285456-TT	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
14.	Thủ tục cấp mới thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không	BGTVT-285872	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
15.	Thủ tục cấp lại thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay có giá trị sử dụng dài hạn của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không	BGTVT-285873	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
16.	Thủ tục cấp giấy phép, gia hạn, bổ sung,	BGTVT-285879	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục	Cục HKVN

STT	Tên Thủ tục	Mã Thủ tục	Địa điểm thực hiện		Đơn vị giải quyết
			Tiếp nhận	Trả kết quả	
	phục hồi năng định nhân viên kiểm soát an ninh hàng không			HKVN	
17.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành viên tổ bay	BGTVT-285839	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
18.	Thủ tục cấp Giấy phép và năng định cho nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS)	BGTVT-285840	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
19.	Thủ tục cấp lại giấy phép và năng định cho nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS)	BGTVT-285842	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
20.	Thủ tục cấp Giấy phép, năng định cho người lái tàu bay	BGTVT-285848	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
21.	Thủ tục cấp lại Giấy phép, năng định cho người lái tàu bay	BGTVT-285849	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
22.	Thủ tục Gia hạn năng định cho người lái tàu bay	BGTVT-285850	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
23.	Thủ tục cấp Giấy phép, năng định cho nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (AMT)	BGTVT-285851	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
24.	Thủ tục cấp lại Giấy phép và năng định cho nhân viên bảo dưỡng tàu bay (AMT)	BGTVT-285852	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
25.	Thủ tục gia hạn năng định cho nhân viên bảo dưỡng tàu bay (AMT)/nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS)	BGTVT-285841	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
26.	Thủ tục cung cấp thông tin đăng ký trong Sổ đăng bạ tàu bay	BGTVT-285858	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
27.	Thủ tục đăng ký quyền sở hữu tàu bay	BGTVT-285859	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
28.	Thủ tục đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay	BGTVT-285860	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN

STT	Tên Thủ tục	Mã Thủ tục	Địa điểm thực hiện		Đơn vị giải quyết
			Tiếp nhận	Trả kết quả	
29.	Thủ tục xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay	BGTVT-285861	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
30.	Thủ tục đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay	BGTVT-285862	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
31.	Thủ tục xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay	BGTVT-285863	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
32.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay	BGTVT-285864	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
33.	Thủ tục Cấp mã số AEP	BGTVT-285865	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
34.	Thủ tục đăng ký văn bản IDERA	BGTVT-285866	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
35.	Thủ tục xóa đăng ký văn bản IDERA	BGTVT-285867	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN
36.	Thủ tục sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA	BGTVT-285868	BPMC Cục HKVN	BPMC Cục HKVN	Cục HKVN